

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 10 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- THnh phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu H- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1144/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1203/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N, trú tại: Thôn Đại H, xã T, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, trú tại: Thôn Đại H, xã T, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2019 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Lê Văn C sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố H vào ngày 02 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình nh

chồng ở thôn Đại H, xã T, huyện A, tHnh phố H. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Tuy nhiên đến thời gian gần đây thì giữa hai vợ chồng chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở lên trầm trọng nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có sự chia sẻ và quan tâm với nhau. Anh C đưa đòi bạn bè, không chịu khó làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, kinh tế gia đình khó khăn, chị N và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 chị N đã thuê nH ra ở riêng và sống ly thân với anh C hai bên không còn quan tâm đến nhau, nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là Lê Trung D, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2014 và Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2016. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Đinh Thị N trình bày chị và anh Lê Văn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Lê Văn C đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Lê Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tHnh phố H tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đinh Thị N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Văn C không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Lê Văn C; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con là Lê Trung D, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2014 và Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2016 cho chị Đinh Thị N nuôi dưỡng đến khi các con trưởng tHnh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ: Chị Đinh Thị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Đinh Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tHnh phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt chị Đinh Thị N và anh Lê Văn C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị N và anh Lê Văn C xây dựng hạnh phúc với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tHnh phố H vào ngày 02 tháng 7 năm 2012 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình nH chồng ở thôn Đại H, xã T, huyện A, tHnh phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có sự chia sẻ và quan tâm với nhau. Anh C đua đòi bạn bè, không chịu khó làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, kinh tế gia đình khó khăn, chị N và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 chị N đã thuê nH ra ở riêng và sống ly thân với anh C hai bên không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ cần được chấp nhận và xử cho chị N được ly hôn với anh C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh C có 02 con chung là Lê Trung D, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2014 và Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2016. Chị N có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử giao cả hai con cho chị Đinh Thị N nuôi dưỡng đến khi các con trưởng tHnh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của chị N là tự nguyện và phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao hai con Lê Trung D, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2014 và Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2016 cho chị Đinh Thị N nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017274 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện A, thành phố H. Chị Đinh Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đinh Thị N và anh Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải